

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 19/2025/KDTM - ST
Ngày: 15-5-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Ngọc Điệp.

Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương** tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2024/TLST-KDTM ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST – KDTM, ngày 09 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty A. Địa chỉ: Lô X đường D, phường M, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Cao Thị U, sinh năm 1992; địa chỉ: Số X đường V, phường C, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 10/8/2024) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Công ty B; địa chỉ: Lô 9, đường D4, khu công nghiệp Phú Tân, khu phố 4, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Thu Ba - Chức danh: Tổng Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/10/2024 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn Công ty A do bà Cao Thị U đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 02/1/2024, Công ty A (Công ty A) và Công ty B (Công ty B) đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc số AK2024001-NVL. Căn cứ theo yêu cầu đặt hàng từ Công ty B, Công ty A cung cấp hàng hóa là tay nắm, bản lề, pas sắt, thanh sắt, lục giác chìm,... cho Công ty B. Số lượng, chủng loại cung cấp dựa trên từng đơn Đặt hàng của Công ty B. Đơn giá bán sẽ phù hợp với giá cả thị trường tại thời điểm mua và được Công ty B xác nhận thông qua Đơn đặt hàng. Sau khi nhận hàng thì thời hạn thanh toán sẽ là 45 ngày kể từ ngày Công ty A giao hàng đầy đủ và xuất hóa đơn cho Công ty B. Khoản 4.2 Điều 4 Hợp đồng cũng đã quy định: “Bên B (Công ty B) có nhiệm vụ thanh toán tiền hàng đúng theo Điều 3 của Hợp đồng này”.

Sau khi giao hàng và có xác nhận công nợ thì Công ty B không thanh toán theo thỏa thuận đối với số tiền còn nợ theo các Hóa đơn giá trị gia tăng mà Công ty A đã xuất và gửi cho Công ty B. Đến ngày 21/8/2024, Công ty A và Công ty B đã có Văn bản thỏa thuận về việc xác nhận công nợ với nội dung “ tính đến ngày 21/8/2024 Công ty B còn nợ Công ty A số tiền nợ gốc 995.081.953 đồng theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số AK2024001-NVL ngày 02/01/2024. Về tiến độ thanh toán thì Công ty B cam kết thanh toán thành 3 đợt bắt đầu từ ngày 25/9/2024 và kết thúc ngày 25/11/2024. Tuy nhiên, sau thỏa thuận thanh toán thì Công ty B không thực hiện mặc dù Công ty A đã gửi nhiều công văn, thông báo yêu cầu thanh toán nợ nhưng không có kết quả.

Nhận thấy, Hợp đồng mua bán đã được hai Công ty tự nguyện xác lập, do người có thẩm quyền ký kết và được đóng dấu của hai bên. Nội dung Hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Do đó, các bên có nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện theo đúng các thỏa thuận.

Tính đến thời điểm khởi kiện, Công ty B còn khoản nợ gốc đối với Công ty A là 995.081.953 đồng (*Chín trăm chín mươi lăm triệu không trăm tám mươi một nghìn chín trăm năm mươi ba đồng*).

Về lãi suất, ngày 21/8/2024, Công ty A và Công ty B có xác lập văn bản thỏa thuận mới về việc mức lãi suất chậm thanh toán là 1,3%/tháng/30 ngày; Thời hạn tính lãi suất từ ngày 06/3/2024 cho đến khi Công ty B hoàn tất nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A; Đồng thời, ngoài việc phải chịu lãi suất chậm thanh toán, theo nội dung thỏa thuận thì Công ty B còn phải chịu phạt vi phạm Hợp đồng là 8% trên tổng công nợ 995.081.953 đồng.

Do Công ty B không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận, Công ty A yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty B thanh toán khoản nợ gốc và số tiền chậm thanh toán (tính đến thời điểm thực tế thanh toán) cho Công ty A theo Hợp đồng nguyên tắc số AK2024001-NVL ngày 02/1/2024, tạm tính tại thời điểm 24/4/2025 là 1.250.619.000 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 995.081.953 đồng;

- Lãi suất chậm thanh toán từ ngày 06/3/2024 tạm tính đến thời điểm 24/4/2025 là: $1,3\% \times 13 \text{ tháng} \times 995.081.953 \text{ đồng} + 1,3\% : 30 \times 18 \text{ ngày} \times 995.081.953 \text{ đồng} = 168.168.850 \text{ đồng} + 7.761.639,23 \text{ đồng} = 175.930.489 \text{ đồng}$.

- Tiền phạt vi phạm Hợp đồng là: $8\% \times 995.081.953 = 79.606.556 \text{ đồng}$.

Ngày 14/5/2025, nguyên đơn Công ty A có đơn đề nghị rU một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty B thanh toán tiền lãi suất chậm trả và tiền phạt vi phạm hợp đồng, chỉ yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền nợ gốc 995.081.953 đồng.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty B để làm việc nhưng bị đơn Công ty B không đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương làm việc, không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án, không có văn bản trình bày vắng mặt vì lý do bất khả kháng. Vì vậy, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của Công ty B.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Lê Thị Thu B vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi suất chậm thanh toán trả và tiền phạt hợp đồng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2024, Công ty A yêu cầu Công ty B phải trả cho Công ty A số tiền còn nợ của Hợp đồng nguyên tắc

số AK2024001-NVL do đó có căn cứ xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung thỏa thuận Điều 5 – Hợp đồng nguyên tắc số AK2024001-NVL ngày 02/01/2024 giữa Công ty A và Công ty B thỏa thuận mọi tranh chấp xảy ra sẽ được Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết. Xét thỏa thuận này không phù hợp theo quy định của pháp luật nên không phát sinh hiệu lực pháp luật. Nhận thấy, bị đơn Công ty B có trụ sở đặt tại phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và nơi thực hiện hợp đồng tại trụ sở Công ty B. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin, Công ty B có trụ sở đặt tại phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật là bà Lê Thị Thu B – chức danh Tổng Giám đốc, tình trạng pháp lý của Doanh nghiệp là đang hoạt động. Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã tiến hành xác minh tại Công an khu công nghiệp Kim Huy, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thì tại lô 9, đường D4, khu công nghiệp Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hiện nay Công ty B đang tạm ngưng hoạt động. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng thì không thể thực hiện được do tại địa chỉ trụ sở công ty không có người nhận văn bản. Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong 3 số báo liên tiếp và phát sóng trên Đài phát thanh của trung ương 03 lần trong 3 ngày liên tiếp theo quy định tại điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng Công ty B không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp công khai tài liệu chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Công ty B và không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến vụ án.

Do bị đơn Công ty B đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.4] Về điều kiện khởi kiện: Theo hợp đồng nguyên tắc ngày 02/01/2024 Công ty A và Công ty B thỏa thuận phương thức thanh toán là sau 45 ngày kể từ ngày bên A giao hàng đầy đủ và xuất hóa đơn cho bên B theo từng đơn đặt hàng. Ngày 20/01/2024, ngày 28/02/2024 và ngày 22/3/2024 Công ty A xuất hóa đơn giá trị gia tăng nhưng sau 45 ngày Công ty B vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do đó, ngày 23/8/2024 Công ty A có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty B có nghĩa vụ thanh toán nợ, đến ngày 21/10/2024 Công ty A có đơn khởi kiện bổ sung, đến ngày 28/11/2024 thì Tòa án tiến hành thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án đến ngày 26/12/2024, nguyên đơn Công ty A có đơn khởi kiện bổ sung kèm theo tài liệu chứng cứ là văn bản thỏa thuận ngày 21/8/2024. Theo nội dung thỏa thuận ngày 21/8/2024 hai bên xác nhận công nợ gốc còn thiếu là 995.081.953đ, thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán, lãi phạt và tiến độ thanh toán lần 1 vào ngày 25/9/2024. Theo hồ sơ thụ lý thể hiện, ngày 23/8/2024 Công ty A đã có đơn khởi kiện đối với

Công ty B về việc yêu cầu thanh toán tiền gốc, tiền lãi còn thiếu. Tuy nhiên, sau khi nộp đơn ngày 23/8/2024, Tòa án đã có thông báo yêu cầu sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện nên đến ngày 21/10/2024 Công ty A có đơn khởi kiện bổ sung. Ngày 28/11/2024, thì Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, tại thời điểm này Công ty B vẫn không thực hiện cam kết về tiến độ thanh toán cho Công ty B. Do đó, việc nguyên đơn Công ty A khởi kiện bị đơn Công ty B để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và Tòa án tiến hành thụ lý là phù hợp theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về tiền gốc: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 02/01/2024, giữa Công ty A và Công ty B ký hợp đồng Hợp đồng nguyên tắc số AK2024001-NVL. Căn cứ theo yêu cầu đặt hàng từ Công ty B, Công ty A cung cấp hàng hóa là tay nắm, bản lề, pas sắt, thanh sắt, lục giác chìm,... cho Công ty B. Công ty A đã thực hiện việc giao hàng theo yêu cầu về số lượng, chất lượng của Công ty B. Theo văn bản xác nhận công nợ ngày 21/8/2024 thì Công ty B xác định còn nợ Công ty A số tiền nợ gốc 995.081.953đ (*Chín trăm chín mươi lăm triệu không trăm tám mươi một nghìn chín trăm năm mươi ba đồng*). Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên Công ty B khởi kiện yêu cầu Công ty A có trách nhiệm thanh toán cho số tiền nợ gốc 995.081.953đ là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất chậm trả: theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty A có yêu cầu Công ty B có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi suất chậm trả và tiền phạt vi phạm hợp đồng. Tuy nhiên, ngày 14/5/2025 nguyên đơn Công ty A có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn Công ty B thanh toán tiền lãi suất chậm trả và tiền phạt vi phạm hợp đồng. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, không vi phạm điều cấm, bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu này của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả và phạt vi phạm hợp đồng.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc thanh toán tiền gốc còn nợ.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Công ty A chịu 3.624.000đ chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và phát sóng trên đài phát thanh của trung ương, công ty đã nộp đủ.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn Công ty B phải chịu án phí là 41.852.458đ.

Công ty A không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 24; Điều 50; khoản 1 Điều 55; Điều 306 và Điều 319 Luật Thương mại 2005;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A đối với bị đơn Công ty B về yêu cầu thanh toán tiền lãi suất chậm trả và phạt vi phạm hợp đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A đối với bị đơn Công ty B về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

- Buộc Công ty B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A số tiền nợ gốc 995.081.953đ (*Chín trăm chín mươi lăm triệu không trăm tám mươi một nghìn chín trăm năm mươi ba đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

2. Về chi phí tố tụng: Công ty A chịu 3.624.000đ (ba triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng) chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và phát sóng trên đài phát thanh của trung ương, công ty đã nộp đủ.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1 Công ty B phải chịu số tiền 41.852.458đ (bốn mươi một triệu tám trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng) .

3.2 Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả Công ty A số tiền 21.676.000đ (hai mươi một triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số BLTU/24 0003497 ngày 12/11/2024 và số tiền 3.833.960đ (ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số BLTU/24 0009391, ngày 05/3/2025.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Phương